

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hải Nam; ông Dương Quốc Hưng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vương Thị Thanh Lan – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Thái Nguyên: Bà Bùi Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 22/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp ly hôn và con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lệ N, sinh năm 1975, Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến H, sinh năm 1973, vắng mặt

Đều trú tại: Xóm T, xã T, TP S, Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tiến H kết hôn năm 1999 đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Anh chị kết hôn là tự nguyện không bị ép buộc và được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2022 không còn

quan hệ tình cảm hay chăm sóc nhau, chị về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở phường T, thành phố T. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Chị và anh H có 02 con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/11/2001; Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 31/7/2008. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con chung Nguyễn Thị Anh T hoặc theo nguyện vọng của cháu. Cháu Nguyễn Tiến Đ đã trưởng thành, có sức khỏe tự nuôi sống được bản thân, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết, tài sản để lại cho các con chị. Về nợ chung: Không có. Về án phí: Chị tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

****Tại bản tự khai và tại biên bản hoà giải, ý kiến của bị đơn anh H trình bày:***

Anh xác nhận thông tin về thời gian kết hôn, đăng ký kết như chị N trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng anh cũng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung, vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2022. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh không nhất trí, anh mong muốn chị Ngọc suy N1 lại và cho anh cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Anh và chị N có 02 con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/11/2001; Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 31/7/2008. Trường hợp nếu phải ly hôn anh đề nghị theo nguyện vọng của cháu. Cháu Nguyễn Tiến Đ đã trưởng thành, có sức khỏe tự nuôi sống được bản thân không đề nghị Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về án phí: Anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn theo yêu cầu khởi kiện. Tòa án ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với chị N, anh H là người phải cung cấp tài liệu, chứng cứ. Chị N đã cung cấp cho Tòa án đơn xác nhận công tác, Quyết định tuyển dụng công chức, viên chức. Anh H không cung cấp tài liệu gì cho Tòa án.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần để hòa giải cho chị N, anh H về đoàn tụ, nhưng đến nay chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh H. Do chị

N, anh H không thống nhất được về phần quan hệ hôn nhân và con chung, Tòa án hòa giải không thành, nên vụ án được xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên toà, đại diện VKS nhân dân thành phố S phát biểu quan điểm: Đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn và con chung*” căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng trình tự tố tụng, không có vi phạm, không có đề xuất kiến nghị gì. Đối với nguyên đơn tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70,71 của BLTTDS. Về phía bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án.

* Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N cho chị N được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 31/7/2008 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi có đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/11/2001 đã trưởng thành có sức khỏe tự nuôi sống được bản thân, nên Tòa án không giải quyết. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

-Về nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định không có.

- Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Tiến H, cư trú tại xóm T 3 xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn và con chung quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh H.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ N có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với chị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ N và anh Nguyễn Tiến H kết hôn năm 1999 đăng ký tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Lý do chị N xin ly hôn anh H là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hiện nay chị N và anh H đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc nhau, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn. Bản thân anh H cũng xác định quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân nhưng anh không nhất trí ly hôn với chị N mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình giải quyết vụ án anh H cũng không có giải pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình, hai vợ chồng không thể ngồi lại để nói chuyện thống nhất. Như vậy, có thể thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Lệ N được ly hôn anh Nguyễn Tiến H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có hai con chung là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 31/7/2008; Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/11/2001. Khi ly hôn chị N và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu T. Quá trình giải quyết vụ án chị N cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ thể hiện chị N đang là giáo viên và có thu nhập trung bình khoảng 10.000.000/tháng. Còn anh H không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì. Hội đồng xét xử thấy, chị N

có công ăn việc làm có thu nhập ổn định có thể đảm bảo điều kiện sinh hoạt cũng như học tập cho con chung. Cháu Anh T là con gái và hiện tại cháu đang sinh sống cùng mẹ, và có nguyện vọng ở với mẹ để thuận tiện cho việc sinh hoạt và học tập nên cần giao cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 31/7/2008 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi có đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác mới đảm bảo được về mặt tâm sinh lý cũng như điều kiện phát triển cho cháu T. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/11/2001 đã trưởng thành, cháu có sức khỏe tốt tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Đương sự xác định không có.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Lệ N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 57, 58; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Lệ N, cho chị Nguyễn Thị Lệ N được ly hôn anh Nguyễn Tiến H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 31/7/2008 cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi có đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh

ngày 29/11/2001 đã trưởng thành, cháu có sức khỏe tốt tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0000891 ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPSC TN;
- THADS TPSC TN;
- UBND P. Trung Thành TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thùy Dung

